

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HS-ST
Ngày 10/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Long Hính;
2. Ông Trần Quyết Tiến;
3. Bà Bàn Thị Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2021, tại Phòng xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2021/TLST-HS ngày 17/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HS ngày 02/8/2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thành P, sinh ngày 23/3/1989, tại huyện B, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh H; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Trung T, sinh năm 1955 và bà: Trần Thị V, sinh năm 1960; có vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1996; con: Có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 04/5/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Vũ Văn Q, sinh ngày 26/9/1988, tại huyện B, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình N, sinh năm 1959 và bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; có vợ: Bùi Thúy Đsinh năm 1995; con: Có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. Phùng Huy H, sinh ngày 06/3/1982, tại huyện B, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh H; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn T, sinh năm 1958 và bà: Phạm Thị N, sinh năm 1955; có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; con: Có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hưng Yên xử phạt 04 năm tù về tội Lưu hành tiền giả tại Bản án số 08/2007/HS-ST, ngày 28/9/2007 (đã được xóa án tích);

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 04/5/2020 hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

4. Phùng Văn H, sinh ngày 23/4/1989, tại huyện B, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn L, sinh năm 1962 và bà: Đinh Thị V, sinh năm 1961; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 04/5/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

5. Nguyễn Thành L, sinh ngày 16/8/1995, tại huyện B, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân C, sinh năm 1966 và bà: Phùng Thị H, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 04/5/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

6. Lò Thị P1 (tên gọi khác: Lò Thị H), sinh ngày 01/8/1989, tại huyện H, tỉnh H; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn V, huyện B, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Chiu P, sinh năm 1963 và bà Triệu Mùi P, sinh năm 1962; năm 2014 có đăng ký kết hôn với Đào Trọng T, sinh năm 1969 (đã chết); con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 31/2021/HS-ST, ngày 25/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 11 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 30 năm tù.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang theo Quyết định số 20/2021/HSST-QĐTG ngày 25/8/2021 của Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang ; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Thành P, Phùng Huy H: Bà Phạm Thị Loan – Luật sư, Văn phòng Luật sư Phạm Thị Loan và các cộng*

sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang; địa chỉ: Tổ 7, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phùng Văn H:* Bà Viên Thị Vân – Luật sư, Văn phòng Luật sư Phạm Thị Loan và các cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang; địa chỉ: Tổ 7, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L:* Ông Vương Lý – Luật sư, Văn phòng Luật sư Minh Giang, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang; địa chỉ: tổ 05, phường Trần Phú, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Đào Trọng T, sinh năm 1969 (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh T (là vợ của bị hại), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Duy N sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh H; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh H (vợ bị cáo Phùng Huy H); có mặt.

3. Anh Lò Văn K (*Tên gọi khác là Lò Văn C*), sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện H, tỉnh H (là em ruột của bị cáo P1 cậu ruột của các con bị hại T); có mặt.

4. Công ty Cổ phần B (Hãng taxi G); địa chỉ: 98/72 đường N, phường T, Quận T, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Thanh H, chức vụ: Giám đốc; có đơn xin xét xử vắng mặt;

5. Phạm Trung T; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh H (Là bố đẻ của bị cáo P).

- *Người làm chứng:*

1. Chị Tô Phương N, vắng mặt;

2. Chị Ma Thị X, có mặt;

3. Anh Nguyễn Văn Q, vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Văn T, vắng mặt;

5. Anh Bùi Công T, vắng mặt;

6. Anh Triệu Mùi M, vắng mặt;

7. Chị Lò Mùi P (Lò Thị T), có mặt;

8. Ông Phùng Văn L, có mặt;

9. Ông Nguyễn Xuân C, có mặt;

10. Ông Vũ Đình N, có mặt;

11. Ông Phạm Trung T; có mặt;

12. Cháu Đào Thị Phương A, có mặt;

Đại diện hợp pháp cho cháu Đào Thị Phương A: Lò Văn K (Cậu ruột cháu Phương A).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 02/5/2020, sau khi đã uống rượu xong, Phạm Thành P rủ Phùng Văn H đi mua sâm, Văn H đồng ý, P gọi điện thoại cho Phùng Huy H bảo Văn H lái xe taxi chở P và Văn H đi mua sâm ở thị trấn V, huyện B. Huy H đồng ý và điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Mirage, biển kiểm soát 30A - 083.17, loại xe 05 chỗ ngồi, màu sơn bạc (*là xe của Công ty Taxi G có trụ sở tại Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội giao cho Huy H lái*) đón P và Văn H tại thôn K, xã Đ rồi tiếp tục điều khiển xe đến nhà nghỉ Phương A của ông Đào Trọng T và vợ là Lò Thị P1. Khi đến nơi, Huy H điều khiển xe đi thẳng vào trong sân nhà nghỉ, rồi dừng đỗ xe giữa sân, P nói với Huy H “*Anh là người lớn, anh không uống rượu, anh vào hỏi hộ em xem có nhân viên không*”, Huy H xuống xe đi lên sân của nhà ở (*sát cạnh nhà nghỉ*) gặp P1 đang đi từ trong nhà ở ra, Huy H hỏi “*Nhà chị có nhân viên không?*”, P1 nói “*Nhà có hai đứa*”, Huy H quay lại xe nói với P “*Có nhân viên đấy, hai thằng mày vào chơi đi*”, nói xong Huy H vào trong xe, ngồi tại ghế lái. P xuống xe đi đến vị trí P1 đang đứng và hỏi “*Nhà có nhân viên không?*”, P1 trả lời “*Có hai đứa, một đứa đi khách, giờ chỉ còn một đứa*”, P hỏi tiếp “*Giá bao Nêu tiền?*”, P1 nói “*Hai trăm năm mươi nghìn một lần trong 30 phút*”, P hỏi “*Có xinh không?*”, P1 trả lời “*Cũng được, ở trong kia*”, P hỏi “*Không ra có tính tiền không?*”, P1 trả lời “*Vẫn tính tiền*”, hai bên lời qua, tiếng lại, dẫn đến P1 và P cãi nhau về nội dung giá tiền mua sâm và thời gian mua, bán sâm. Thấy P1 đi lên nhà ở của gia đình, P đi theo sau, khi đi đến gần cửa chính của nhà ở thì anh T đi từ trong nhà ra đứng ở cửa nhà, T nói “*Chúng mày chơi thì phải trả tiền trước*”, P nói “*Chơi xong trả tiền không được à*”, anh T nói “*Không chơi thì thôi, cút mẹ chúng mày đi, đến đây phá à*”, P nói “*Không chơi thì đến đây làm gì, đ. mẹ ông chửi ai đấy*”, P và T cãi, chửi nhau, P đi xe ô tô, vừa đi vừa nói “*Mày nhớ mặt tao đấy*”, rồi P bảo Huy H và Văn H đi về.

Huy H điều khiển xe ô tô chở Văn H và Huy H quay về nhà Huy H. Trên đường đi, P gọi điện thoại cho Vũ Văn Q và nói cho Q biết P đi chơi gái ở nhà nghỉ Phương A bị chủ nhà nghỉ dọa đánh, P nhờ Q đến cùng nói chuyện, Q hỏi “*Thằng nhân viên hay thằng nào?*”, P trả lời “*Thằng già già tuổi*” P và Q hẹn gặp nhau ở nhà Huy H.

Sau khi nghe điện của P, Q đi một mình điều khiển 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn đen trắng, biển kiểm soát 23D1 - 143.96, của Q đến nhà Huy H, khi đến nơi, Q gặp Nguyễn Thành L đang ngồi một mình tại bàn uống nước trước cửa nhà Huy H, khoảng 05 phút Huy H, Văn H và P về đến nhà,

đi lên trên sân nhà Huy H đứng cạnh L và Q, Huy H nói với Q “*Chuyện nhỏ như vậy bức làm gì, uống rượu say thì phải kiềm chế chứ*”, nói xong Huy H đi vào trong nhà vệ sinh, Q đi đến chỗ để xe máy chờ P, P liền đi lên sân nhà Huy H, khi cách cửa nhà khoảng 3,5 mét, P nói “*Lấy đồ đi*”, nói xong P tiếp tục đi vào trong nhà Huy H để tìm ống tuýp sắt mang đi để đánh nhau, nhưng khi đi cách cửa nhà 03 mét, P nhìn thấy có 01 con dao tông chuôi gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, mũi dao bằng, dài khoảng 40cm để sát chân tường bên trái hướng từ ngoài vào, P cầm dao và đi ra ngoài cửa, vừa đi P vừa dắt con dao vào trong cặp quần phía sau rồi trùm áo ra ngoài phủ kín con dao để che giấu, rồi đi đến vị trí Q dựng xe máy, P nói “*Anh ơi đi đi*”, Q điều khiển xe máy chở P đến nhà nghỉ Phương A. Tại thời điểm đó Văn H và L đang đứng ngoài sân, thì Huy H đi từ trong nhà ra hỏi “*Hai thằng kia đâu?*”, L trả lời “*Hai anh ấy đi ra ngoài rồi*”. Xác định Q và P đi ra nhà nghỉ Phương A để giải quyết mâu thuẫn, Văn H đi vào trong nhà Huy H để tìm hung khí và nhìn thấy có Nền đoạn ống sắt trên nền nhà, Văn H nhặt cầm 03 đoạn ống sắt, gồm: 01 đoạn sắt hình trụ vuông, rỗng dài 104cm, cạnh vuông 3,9cm; 01 đoạn sắt hình trụ vuông, rỗng dài 111,5cm, cạnh vuông 2,9cm; 01 thanh tuýp sắt hình trụ tròn, rỗng, dài 61cm, đường kính 3,1cm rồi đi ra ngoài sân; Huy H đi xuống bếp lấy chiếc túi màu đen, bên trong đựng 01 khẩu súng bắn đạn ghém cỡ 12 dài 54,3cm, cao 13cm, dày 4cm, phần báng gỗ dài 17cm, nòng súng dài 35,5cm, phần kim loại dài 12,6cm, giấu ở sát tường nhà phía sau cạnh máy giặt, cách cửa bếp về phía sau 4,1 mét, cách góc nhà bên phải hướng từ ngoài vào 1,1 mét (*trong súng đã được nạp sẵn một viên đạn từ trước*) của P gửi Huy H từ giữa tháng 4/2020, Huy H dùng tay phải cầm chiếc túi đựng súng đi lên trên nhà. Khi đi đến gian phòng khách, Huy H để chiếc túi đựng súng bên trong trên nền nhà, rồi kéo séc túi và lấy khẩu súng bên trong túi ra, L đi vào đứng cạnh Huy H, Huy H dùng tay phải cầm vào báng súng đưa súng cho L, L dùng tay phải cầm vào thân súng rồi giấu súng vào trong áo trước ngực theo chiều nòng súng hướng xuống dưới và đi ra ngoài sân đứng, Huy H cầm chiếc túi đi ra đến gốc cây ở ngoài sân sát vách nhà bên trái vớt chiếc túi tại gốc cây, sau đó đi vào trong nhà dắt 01 xe máy Honda Wave, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 23D1 - 274.34 của gia đình điều khiển xe mô tô chờ Văn H cầm 03 đoạn sắt hình trụ, rỗng ngồi giữa, L giấu khẩu súng trong ngực áo, ngồi sau và cùng đi đến nhà nghỉ Phương A.

Khi Q và P đi đến công vào nhà nghỉ Phương A dùng xe tại lề bên phải đường Quốc lộ 2 (*Theo hướng Tuyên Quang - Hà Giang*), P và Q cùng xuống xe đi đến đứng tại công vào nhà nghỉ nhìn thấy Huy H, Văn H và L đi đến dùng xe cạnh vị trí xe máy của Q, L đi bộ về phía công nhà nghỉ, còn Huy H và Văn H đứng tại vị trí dùng xe. P nói với Q “*Vào đi anh*” rồi đi về phía nhà nghỉ. L nói “*Súng đây các anh*”, Q quay người lại đứng đối diện L, L dùng tay phải kéo xéc rút khẩu súng ra đưa súng cho Q, Q dùng tay phải cầm lấy khẩu súng rồi hỏi “*Súng nặng thế, sử dụng như thế nào?*”, L trả lời “*Cứ bóp cò là nổ*”, Q giấu khẩu súng vào trong cặp quần phía trước, nòng súng hướng xuống dưới và kéo áo che kín khẩu súng, rồi đi về phía nhà nghỉ, L đi ra vị trí Văn H và Huy H đang đứng, dùng tay phải rút lấy 01 đoạn sắt hình trụ vuông, rỗng từ tay Văn H, rồi đi về phía cửa công nhà nghỉ, đứng ở mép đường bên phải cách công nhà nghỉ 09

mét. Thấy cổng nhà nghỉ đã đóng và khóa bên trong, P dùng tay phải cầm con dao đập liên tiếp khoảng 04 đến 05 phát vào cánh cổng kim loại, vừa đập P vừa gọi to và chửi, Q đi đến đứng phía sau P, cách P 1,1 mét.

Nghe tiếng gọi và chửi ngoài cổng, anh T cầm theo 01 khẩu súng kíp (thuộc súng săn) dài 136,2 cm, trong súng có đạn (*súng còn sử dụng để bắn được*) chạy từ trong nhà ở ra ngoài sân, khi đến cách vị trí P đứng 8,4 mét thì dừng lại hô "*Chúng mày có thích chết không, tao bắn chết chúng mày*", cùng lúc đó, P và Q nghe thấy 02 tiếng kêu "tạch", Q nghĩ anh T đã hướng súng về phía Q để bắn Q nhưng không nghe thấy súng nổ. Ngay lập tức Q dùng tay vén áo lên, rồi dùng tay phải cầm vào báng súng rút súng ra khỏi cặp quần, Q thò súng qua mép ngoài cánh cổng bên phải, hướng nòng súng về phía T đang đứng và bóp cò, súng nổ, đạn bắn ra trúng vào vùng mặt của anh T, bị trúng đạn anh T ngã xuống sân nhà nghỉ, P1 ở trong nhà ở chạy ra kêu lên "*Chết người rồi*", P liền hô "*Chạy đi*", Q liền giấu khẩu súng vào trước bụng rồi đi nhanh ra đường Quốc lộ 2, thấy Huy H đang ngồi trên xe máy, Q ngồi lên sau xe Huy H, Huy H điều khiển xe máy chở Q đi về xã Đông Thành, trên đường đi Q nói với Huy H "*Em bắn người rồi, em bắn nó như thế thấy nó ngã ra sân không biết có chết hay không*". Khi đi đến cầu Vĩnh Tuy, Q đã ném khẩu súng xuống sông (*Sông con chảy ra sông Lô*), ở phía bên trái đường hướng Hà Nội - Hà Giang. Khi về đến nhà Huy H, Huy H xuống xe đi ra gốc cây ở góc ngoài sân nhà nhặt chiếc túi đen khi trước đựng súng đi theo lối mòn ra sát taluy âm sát cạnh bờ khe suối, cách nhà Huy H 54,6 mét rồi vứt chiếc túi xuống dòng khe suối và đi về nhà, còn Q điều khiển xe máy đi về nhà Q, sau đó quay lại nhà Huy H.

Còn P cầm con dao chạy ra hướng đường Quốc lộ, L vứt đoạn sắt đang cầm xuống mép đường bê tông, rồi đi nhanh theo sau P. Khi ra đến đường Quốc lộ, thấy trên tay Văn H vẫn cầm 02 đoạn sắt mang theo từ trước, L dùng tay phải cầm lấy 02 đoạn sắt Văn H cầm rồi vứt ra lề bên phải đường Quốc lộ 2 hướng Tuyên Quang - Hà Giang. Văn H điều khiển xe máy của Huy H chở L ngồi giữa, P cầm con dao ngồi sau cùng, đi được khoảng 02 mét thì xe bị đổ nghiêng ra đường, thấy Văn Hạnh sợ, P vứt con dao sang vệ đường rồi thay Văn Hạnh điều khiển xe chở Văn H và L đi về nhà P rồi tiếp tục sang nhà Huy H.

Sau khi Q, P, Huy H, Văn H và L gặp nhau tại nhà Huy H. Huy H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 30A - 083.17 chở Q, P, Văn H và L đi theo đường Quốc lộ đi trốn, khi đi qua xã Đ, huyện B, sang đến thị trấn Y, huyện, tỉnh thì dừng xe, P nói "*Giao xe cho Văn H và L đi xuống Hà Nội trước, còn tao và Huy H, Q đón xe taxi khác đi theo sau, nếu bị Công an bắt thì điện thoại lại cho hội đi sau biết để tránh*", tất cả đồng ý, Văn H và L đi xe ô tô của Huy H xuống thành phố Hà Nội gửi xe vào bãi gửi xe rồi đi về phòng trọ của L. Khoảng 05 giờ ngày 03/5/2020, L cùng Văn H về đến phòng trọ tại số 26, đường Hồ Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, lấy xong quần áo thì L và Văn H đi đến quán Karaoke thuộc nút giao Vạn Điểm, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội trốn.

Về phía Huy H, Q và P, đón xe taxi hãng Mai Linh đi về bến xe Mỹ Đình, sau đó tiếp tục đón xe taxi hãng Vinasun đi đến quán Karaoke nơi L và Văn H đang trốn, khoảng 08 giờ ngày 03/5/2020 đến nơi.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Vũ Văn Q, Phạm Thành P, Phùng Huy H, Phùng Văn H và Nguyễn Thành L đến Cục Cảnh sát hình sự, Bộ Công an đầu thú và khai báo hành vi phạm tội của mình.

Kết luận giám định pháp y tử thi số 122/KLPY- PC09 ngày 12/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang đối với tử thi Đào Trọng T (BL 368, 369) ghi nhận các kết quả chính qua giám định: *“Vùng mặt lõ chỗ có các vết thủng da, đếm được 50 vết, vết vùng má bên trái gây khuyết tổ chức phần mềm, sâu thấu vào trong khoang miệng, sờ, nắn có một số vết thủng da có dị vật cứng di động, vùng vết thương má bên trái gây khuyết tổ chức, có dấu hiệu gãy xương hàm; các vết thủng da ở vùng mặt bờ mép bầm tụ máu, tổ chức có xu hướng bị đẩy vào trong; vùng cổ, ngực có 05 lỗ thủng da, bờ mép bầm tụ máu, tổ chức có xu hướng bị đẩy vào trong. Cơ vùng cổ, ngực tương ứng với các lỗ thủng da bên ngoài bầm tụ máu; mặt trong xương ức, tương ứng lỗ thủng da, xương có dị vật màu đen, cứng (thử máy dò kim loại thấy có tín hiệu); mở khí quản thấy lòng khí quản tràn ngập máu, bóc tách da vùng trán tương ứng với các lỗ thủng da bên ngoài phát hiện một số dị vật màu đen (thử máy dò kim loại thấy có tín hiệu); tiến hành rạch da vết thương khuyết tổ chức vùng má trái, thấy cơ vùng má trái bầm tụ máu toàn bộ, phát hiện dị vật màu trắng đục không rõ hình, xoắn gấp lại (thử máy dò kim loại không có tín hiệu); bóc tách toàn bộ phần mềm vùng má trái phát hiện Nền dị vật màu đen, cứng (thử máy dò kim loại có tín hiệu); xương gò má và xương hàm gãy phức tạp làm Nền mảnh, sập lún từ ngoài vào trong”*.
Kết luận:

+ Nguyên nhân chết của Đào Trọng T: Suy hô hấp do dịch máu bít tắc đường thở, trên người bị chấn thương vùng hàm mặt và ngực do dị vật kim loại.

+ Cơ chế hình thành thương tích trên thân thể Đào Trọng T: Các tổn thương trên thân thể Đào Trọng T do dị vật kim loại xuyên thủng gây nên.

+ Thời gian chết của Đào Trọng T: Tính đến thời điểm khám nghiệm, Đào Trọng T chết khoảng 3 giờ.

Kết luận giám định pháp y về ADN số 167/20/TC-AND ngày 15/5/2020 của Viện Pháp y Quốc gia, kết luận: Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên mẫu *“Chất nâu đỏ thu tại vị trí 5 (thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường)”*: Dương tính; ADN thu từ mẫu *“Chất màu nâu đỏ thu tại vị trí 5”* trùng khớp hoàn toàn với ADN của Đào Trọng T.

Căn cứ lời khai của Q và Huy H, ngày 04/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã phối hợp với các lực lượng chức năng tiến hành truy tìm khẩu súng gây án. Kết quả: đã thu giữ được khẩu súng mà Vũ Văn Q sử dụng để gây án trên dòng sông con dưới cầu Vĩnh Tuy, có đặc điểm: khẩu súng dài 54cm, cao 13cm, dày 04cm, phần báng gỗ dài 17cm, nòng súng dài 35,5cm, phần kim loại dài 12,6cm, kết quả nhận dạng, các bị cáo đã nhận đúng khẩu súng đã dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra thu thập các nguồn chứng cứ nhằm chứng minh hành vi phạm tội giết người của các bị cáo Q, Huy H, Văn H, P và L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang còn thu thập được các nguồn chứng cứ chứng minh các bị cáo P và Huy H còn thực hiện hành vi "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"; bị cáo L và Q thực hiện hành vi "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng", bị cáo Lò Thị P1 thực hiện hành vi "Chứa mại dâm" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy", cụ thể như sau:

- Đối với hành vi Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng và sử dụng trái phép vũ khí quân dụng: Khoảng tháng 8 hoặc tháng 9/2019 (*không xác định được chính xác thời gian*), trong khi đang làm thuê tại thành phố Hà Nội, P sử dụng điện thoại và đặt mua trên mạng xã hội 01 khẩu súng bắn đạn ghém cỡ 12 dài 54,3cm, cao 13cm, dày 4cm, phần báng gỗ dài 17cm, nòng súng dài 35,5cm, phần kim loại dài 12,6cm và 02 viên đạn ghém cỡ 12 với giá 7.000.000 đồng.

Ngày 15/4/2020, khi Huy H, P và L từ Hà Nội về nhà ở thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh H. P và L đi một xe ô tô, còn Huy H một mình điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Mirage, biển kiểm soát 30A - 083.17 từ Hà Nội về Hà Giang, P đã gửi khẩu súng và 02 viên đạn trong 01 chiếc túi màu đen để Huy H mang về.

Buổi chiều cùng ngày (*không xác định thời gian*), khi Huy H, P và L đã về đến thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh H, Huy H mang khẩu súng sang nhà P, sau đó P cùng L và Huy H mang khẩu súng lên trên đồi cây thuộc vườn rừng phía sau nhà P để xem và bắn thử, L lắp 01 viên đạn vào súng rồi bắn thử 01 lần lên trên đồi cây, bắn xong L lại nạp 01 viên đạn còn lại vào trong súng rồi cho khẩu súng vào trong chiếc túi đen, Huy H mang chiếc túi đựng súng về nhà Huy H cất giấu tại gian bếp cuối nhà ở sát tường nhà phía sau cạnh máy giặt, cách cửa bếp về phía sau 4,1 mét, cách góc nhà bên phải hướng từ ngoài vào 1,1 mét.

Tối ngày 02/5/2020, sau khi biết P cùng Q đi xe mô tô đến nhà nghỉ Phương A để giải quyết mâu thuẫn, Huy H lấy khẩu súng đã cất giấu ra rồi bỏ súng ra khỏi bao và đưa súng cho L cầm, sau đó Huy H điều khiển xe máy chở L cầm theo khẩu súng, Văn H cầm theo 03 đoạn sắt hình trụ, rỗng, đến nhà nghỉ Phương A, nhằm giúp P và Q, khi gặp Q và P ở cổng nhà nghỉ Phương A, L đã nói “*Súng đây các anh*” và đưa súng cho Q, đồng thời hướng dẫn Q cách bắn súng, Q cầm khẩu súng và bắn 01 phát vào vùng mặt của ông T dẫn đến tử vong.

Kết luận số 2779/C09-P3 ngày 15/6/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Khẩu súng niêm P ký hiệu A3 gửi giám định (*Khẩu súng thu giữ trong quá trình truy tìm vật chứng theo lời khai của Vũ Văn Q*) là súng bắn đạn ghém cỡ 12, có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng. Trong ổ đạn của súng có 01 vỏ đạn kim loại màu vàng, là vỏ đạn của loại đạn ghém cỡ 12 do khẩu súng này bắn ra. Khi sử dụng súng và đạn này bắn vào cơ thể người gây chết hoặc bị thương.

- Đối với hành vi Chứa mại dâm: Quá trình điều tra thể hiện ngày 17/12/2018, Đào Trọng T, được Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện B cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 10J800 0685 (Đăng ký thay đổi lần thứ 02) với ngành nghề kinh doanh được phép là nước uống giải khát - dịch

vụ cho thuê lưu trú (Nhà trọ) - cho thuê xe có động cơ (Xe mô tô, xe máy) - cho thuê xe không kèm người lái, địa điểm kinh doanh tại số nhà 85 đường T, Tổ dân phố T, thị trấn V, huyện B, tỉnh H, tên biển hiệu: Nhà nghỉ Phương A.

Tháng 3 năm 2017, P1 thuê Tô Phương N, sinh ngày 22/11/1998; trú tại: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh H đến nhà nghỉ Phương A dọn dẹp phòng, giặt giũ chăn ga, với mức lương 3.000.000^d/01 tháng. Tại nhà nghỉ, tên của N được đổi là Hoàng Ánh Ngọc, khi N làm được 01 tháng thì P1 trao đổi với N để N bán đêm cho khách, còn vợ chồng T, P1 bố trí và điều hành khách, tiền bán đêm sẽ được chia theo tỷ lệ 50/50, tức là vợ chồng P1, T là người thu tiền và bố trí sắp xếp phòng cho khách mua đêm rồi bố trí N đến bán đêm cho khách, tiền bán đêm thu của khách thì sẽ chia cho người trực tiếp bán đêm 50%, vợ chồng T, P1 được 50%, và tiền sẽ thanh toán vào cuối tháng, N đồng ý và thực hiện việc bán đêm cho khách, do vợ chồng T, P1 điều hành. Việc thu tiền của khách mua đêm được thỏa thuận với giá 250.000^d/01 tiếng và 800.000 đồng đối với khách mua đêm qua đêm. N khai, việc hoạt động mua, bán đêm tại nhà nghỉ Phương A diễn ra từ năm 2017, ngày nào N cũng phải bán đêm, ngày đông khách N phải thực hiện việc bán đêm cho khách từ 03 đến 04 lần.

Năm 2018, ông T thuê Ma Thị X, sinh năm 1999, trú tại: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh H làm việc tại nhà nghỉ Phương A, với công việc ban đầu thỏa thuận là dọn dẹp phòng nghỉ, giặt giũ chăn ga, mức lương 4.000.000^d/01 tháng. Tại nhà nghỉ Phương A, ông T và P1 đã đổi tên X là Liên. X làm thuê được 03 tháng thì ông T bảo X đi bán đêm cho khách, còn ông T bố trí và điều hành khách, tiền bán đêm sẽ được chia theo tỷ lệ 50/50, tức là vợ chồng P1 T là người thu tiền và bố trí sắp xếp phòng cho khách mua đêm, rồi bố trí X đến bán đêm cho khách, tiền bán đêm thu của khách thì sẽ chia cho người trực tiếp bán đêm 50%, vợ chồng T, P1 được 50%, X đồng ý và thực hiện việc bán đêm cho khách do vợ chồng T, P1 điều hành, khi có khách đến mua đêm sẽ gặp ông T để thỏa thuận số tiền mua, bán đêm, thường là với giá 250.000^d/01 tiếng và 800.000 đồng nếu mua đêm qua đêm với khách. Khi T đi vắng, P1 là người điều hành thay T, thu tiền của khách mua đêm và nộp lại cho T quản lý.

Khoảng 22 giờ ngày 02/5/2020, Nguyễn Văn Q, sinh ngày 29/02/1988, trú tại: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh H đến Nhà nghỉ Phương A để mua đêm qua đêm thì gặp P1, Q hỏi “*Có nhân viên không (Nghĩa là có gái bán đêm không)?*”, P1 trả lời “*Có. Đi nhanh hay đi qua đêm?*”, Q nói “*Đi qua đêm, giá bao Nêu?*”, P1 trả lời “*Tám trăm nghìn đồng*”, Q đồng ý và đã đưa cho P1 800.000 đồng, P1 bố trí cho Q vào phòng nghỉ số 02 của nhà nghỉ chờ sau 24 giờ cùng ngày, P1 sẽ bố trí gái bán đêm cho Q. Sau khi thỏa thuận và trả tiền mua đêm qua đêm cho P1 Q vào phòng đeo tai nghe điện thoại và nằm chờ gái bán đêm đến, khoảng 20 phút sau Q bỏ tai nghe điện thoại ra khỏi tai thì nghe thấy tiếng phụ nữ khóc to, Q mở cửa đi ra cửa thấy ông T nằm ngửa dưới đất, con gái ông T nói “*Cứu bố cháu với*”, Q đã lấy điện thoại gọi cấp cứu 115, sau đó người nhà ông T đưa ông T đi Bệnh viện cấp cứu, còn Q được Công an thị trấn V mời lên làm việc, tại đây Q mới biết là ông T bị bắn chết.

Quá trình điều tra, Q khai, Q biết nhà nghỉ Phương A của ông Đào Trọng T có tổ chức cho nhân viên của nhà nghỉ bán dâm. Từ năm 2017 đến ngày 02/5/2020, Q đã đến nhà nghỉ Phương A mua dâm 03 lần, cụ thể:

+ Lần 1: Khoảng 21 giờ (*Không nhớ ngày*) tháng 10/2017, Q đến nhà nghỉ Phương A để mua dâm thì gặp Lò Thị P1, Q hỏi “*Có nhân viên không?*”, P1 trả lời “*Có, đi nhanh hay đi qua đêm?*”, Q hỏi lại “*Đi qua đêm là bao Nêu?*”, P1 trả lời “*Bảy trăm nghìn*”, Q đồng ý rồi đưa 700.000 đồng cho P1 và đi vào phòng nghỉ tại tầng 01, đến khoảng 24 giờ cùng ngày thì có 01 nhân viên nữ vào phòng bán dâm cho Q.

+ Lần 2: Vào khoảng đầu tháng 01/2019, Q đi một mình đến nhà nghỉ Phương A và gặp P1 hỏi mua dâm qua đêm, P1 đồng ý và thu của Q số tiền 700.000 đồng rồi sắp xếp phòng và bố trí nhân viên cho Q mua dâm.

+ Lần 3: Khoảng 22 giờ ngày 02/5/2020, Q đến nhà nghỉ của gia đình ông T để mua dâm thì gặp P1 đã đưa cho P1 800.000 đồng để mua dâm qua đêm, trong khi chờ P1 sắp xếp gái bán dâm thì xảy ra sự việc ông T bị bắn chết nên Q chưa mua dâm được. Sau khi ông T chết được khoảng 01 tháng Q đến gặp Lò Thị P1, P1 lấy 800.000 đồng trả cho Q.

Tại biên bản khám xét của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang hồi 11 giờ ngày 21/10/2020, tại chỗ ở của P1 thuộc Tổ dân phố T, thị trấn V, huyện B (BL 309 đến 326) đã phát hiện và thu giữ: có 72 chiếc bao cao su còn nguyên, vỏ màu trắng, nhãn hiệu Condom Hualei; trong phòng nghỉ ngoài cùng (*giáp đường*) của tầng 02 có 03 chiếc bao cao su còn nguyên, vỏ màu trắng, nhãn hiệu Condom Hualei.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra, có đủ chứng cứ để buộc tội đối với P1 về hành vi chứa mại dâm vào khoảng 22 giờ ngày 02/5/2020, lợi nhuận thu được từ khách mua dâm qua đêm là 800.000 đồng, P1 đã nhận tiền, bố trí phòng cho khách mua dâm, để thực hiện hành vi mua bán dâm, hành vi của P1 đã hoàn thành về mặt hành vi. Quá trình điều tra, ngoài lời khai của Q, N, X, Phương A khai về việc P1 Tuân thực hiện hành vi chứa mại dâm Nếu lần thì không có tài liệu nào chứng minh hành vi phạm tội chứa mại dâm Nếu lần của P1 do vậy không có căn cứ để xử lý.

- Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Ngày 03/5/2020, trong quá trình khám nghiệm hiện trường, Lò Thị P1 đã giao nộp 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa hạt tinh thể màu trắng, 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất bột màu đen; 01 gói giấy trắng bên trong chứa chất bột dạng cục. Tại biên bản mở niêm P, cân tịnh, lấy mẫu vật chứng gửi giám định và niêm P (bút lục 422), cho kết quả 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa hạt tinh thể màu trắng có khối lượng 3,33g (*Ba phẩy ba mươi ba gam*); 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất bột màu đen có khối lượng 0,48g (*Không phẩy bốn mươi tám gam*); 01 gói giấy trắng bên trong chứa chất bột dạng cục có khối lượng 1,89g (*Một phẩy tám mươi chín gam*).

Kết luận giám định số 151/KL-PC09 ngày 20/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang (bút lục 419), kết luận: Chất tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng

3,33g (*Ba phẩy ba mươi ba gam*), Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Chất màu xám đen dạng cục gửi giám định ký hiệu M2 là ma túy, loại MDMA, có khối lượng là 0,48g (*Không phẩy bốn mươi tám gam*), MDMA nằm trong danh mục I, STT 27, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Chất bột màu trắng ngà dạng cục gửi giám định ký hiệu M3 là ma túy, loại Heroin, có khối lượng là 1,89g (*Một phẩy tám mươi chín gam*), Heroin nằm trong danh mục I, STT 9, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Kết luận giám định hóa pháp số 208/217/283/20/ĐC ngày 19/5/2020 của Viện Pháp y Quốc gia (bút lục 403), kết luận: Trong mẫu nước tiểu Đào Trọng T có tìm thấy Methamphetamine với hàm lượng 10,42ug/ml nước tiểu; Có tìm thấy Morphin với hàm lượng 39,45ug/ml nước tiểu.

Quá trình đấu tranh khai thác có đủ cơ sở kết luận Đào Trọng T là người có sử dụng ma túy, số Heroin, có khối lượng là 1,89g (*Một phẩy tám mươi chín gam*) mà Lò Thị P1 giao nộp trong quá trình khám nghiệm hiện trường vào ngày 03/5/2020 là của T, hiện nay T đã chết nên không đề cập xử lý trong vụ án.

Sau khi Quyết định khởi tố đối với P1 về hành vi "Chứa mại dâm", hồi 11 giờ, ngày 21/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang tiến hành khám xét nơi ở của Lò Thị P1, tại biên bản khám xét chỗ ở của Lò Thị P1 thuộc Tổ dân phố T, thị trấn V, huyện B (BL 309 - 326) đã ghi nhận tại đây nhà nghỉ đã phát hiện và thu giữ: 01 gói nilon màu trắng dán kín có kích thước 1,6 x 2,4cm, trong túi có chứa 04 viên nén màu đỏ một mặt có khắc lõm chữ "Wy"; 01 viên nén màu trắng dạng hình trụ tròn đường kính 1,2 x 0,4cm; 01 viên nén màu hồng hình trụ tròn đường kính 1,2 x 0,25cm, một số bơm kim tiêm và các vật dụng dùng để sử dụng chất ma túy.

Kết luận giám định số 391/KL-PC09 ngày 25/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang (Bút lục 426), kết luận: 04 viên nén màu đỏ gửi giám định ký hiệu A1 (*Thu giữ tại nhà nghỉ Phương A trong quá trình khám xét*) là ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,41g (*Không phẩy bốn mươi một gam*), Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Các nguồn chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi T chết, P1 đã chuyển đến phòng số 06 của nhà nghỉ Phương A để ngủ, P1 là đối tượng nghiện ma túy, có mối quan hệ tình cảm yêu đương với Bùi Công T, sinh năm 1973, trú tại: Tổ 5, thị trấn Việt Quang, huyện B, tỉnh H (Là đối tượng nghiện ma túy), thường đến nhà P1 ngủ qua đêm tại phòng số 06 của nhà nghỉ và cùng P1 sử dụng ma túy, tài sản trong phòng và chìa khóa phòng 06 do P1 quản lý, khi ra, vào phòng P1 thường khóa cửa. Tháng 10/2020 (*Không nhớ ngày*), con trai P1 là Đào Trọng T1, sinh năm 2018 bị ốm, P1 cùng với Lò Thị P1 hắt (*Em gái của P1*) và Bùi Công T đưa cháu Tùng đến Bệnh viện Phương Bắc tại tỉnh Tuyên Quang chữa bệnh, giữa P1 và T có ghen tuông và cãi nhau, do vậy, sau khi T quay về Bắc Quang không đến phòng số 06, nơi P1 và T ngủ nữa.

Ngày 25/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lò Thị P1 tại Tổ dân phố T, thị trấn V, huyện B, tỉnh

H, đã phát hiện và thu giữ: 01 gói được gói bằng giấy trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng ngà, nghi là ma túy; 01 gói được gói bằng giấy trắng, bên trong có chứa chất bột vón cục màu trắng ngà, nghi là ma túy. Hiện nay, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang đã khởi tố P1 và tạm giam đối với Lò Thị P1, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, để điều tra về tội: Mua bán trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Cáo trạng số 20/CT-VKS-P2 ngày 14/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo: Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L và Phùng Văn H về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Thành P, Phùng Huy H về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; các bị cáo Vũ Văn Q, Nguyễn Thành L về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lò Thị P1 về các tội “Chứa mại dâm” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L và Phùng Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố: Do có mâu thuẫn về việc thống nhất giá cả và thời gian mua dâm giữa Phạm Thành P và chủ nhà nghỉ Phương A là Đào Trọng T và Lò Thị P1; vào khoảng 22 giờ ngày 02/5/2020, P rủ Vũ Văn Q đi ra nhà nghỉ của bị hại T để giải quyết mâu thuẫn; sau đó Phùng Văn H, Phùng Huy H và Nguyễn Thành L đi theo sau đến nhà nghỉ của Đào Trọng T và Lò Thị P1 hỗ trợ cho P và Q; Huy H đã lấy 01 khẩu súng đưa cho L cầm và sử dụng xe máy chở Văn H, L đến nhà nghỉ của bị hại T; L đã đưa khẩu súng cho Q, hướng dẫn Q sử dụng súng; Q đã sử dụng khẩu súng bắn bị hại T, dẫn tới T tử vong.

Nguồn gốc khẩu súng Q sử dụng bắn bị hại T là vào khoảng tháng 9/2019 Phạm Thành P đặt mua trên mạng xã hội loại súng bắn đạn ghém cỡ 12 dài 54,3cm, cao 13cm, dày 4cm, phần báng gỗ dài 17cm, nòng súng dài 35,5cm, phần kim loại dài 12,6cm và 02 viên đạn ghém cỡ 12 với giá 7.000.000 đồng. Ngày 15/4/2020, P đã gửi khẩu súng và 02 viên đạn trong 01 chiếc túi màu đen để Phùng Huy H mang về Hà Giang cất giấu. Buổi chiều cùng ngày, Huy H, P và L mang khẩu súng lên trên đồi cây để xem và bắn thử; L lắp 01 viên đạn vào súng rồi bắn thử 01 lần, bắn xong L lại nạp 01 viên đạn còn lại vào trong súng rồi cho khẩu súng vào trong chiếc túi đen, Huy H mang về nhà cất giấu tại gian bếp.

Bị cáo Lò Thị P1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, vào khoảng gần 22 giờ ngày 02/5/2021, P1 đã nhận của Nguyễn Văn Q số tiền 800.000 đồng và bố trí phòng nghỉ để Q mua dâm, nhưng chưa kịp sắp xếp nhân viên đến cho Q thì sự việc T bị bắn chết; đồng thời do bị cáo là người nghiện ma túy, nên bị cáo đã nhờ Bùi Công T mua ma túy về cất giấu sử dụng cho bản thân; ngày 21/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo và đã thu giữ được 0,41 gam ma túy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa, luận tội các bị cáo và giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố các bị cáo; phân tích tính chất của vụ án, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả; đánh giá vai trò thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Phạm Thành P**, **Vũ Văn Q**, **Phùng Huy H**, **Nguyễn Thành L** và **Phùng Văn H** phạm tội “Giết người”; các bị cáo **Phạm Thành P**, **Phùng Huy H** phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; các bị cáo **Vũ Văn Q**, **Nguyễn Thành L** phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; bị cáo **Lò Thị P1** phạm các tội “Chứa mại dâm” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Hình phạt

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58, Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **Vũ Văn Q**, **Phạm Thành P**, **Phùng Huy H**, **Nguyễn Thành L**:

+ Xử phạt bị cáo **Vũ Văn Q** từ 14 đến 15 năm tù về tội “Giết người” và từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Q** phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là từ 16 đến 17 năm 6 tháng tù.

+ Xử phạt các bị cáo **Phạm Thành P**, **Phùng Huy H** mỗi bị cáo từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Giết người” và từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, tổng hợp hình phạt buộc các bị cáo **P**, **Huy H** phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là từ 13 năm đến 14 năm 6 tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành L** từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Giết người” và từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **L** phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là từ 13 năm đến 14 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Phùng Văn H**; xử phạt bị cáo **Phùng Văn H** từ 09 - 10 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 55, Điều 57 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lò Thị P1**; xử phạt bị cáo **Lò Thị P1** từ 05 đến 06 tháng tù về tội “Chứa mại dâm” và từ 01 năm đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 17 tháng đến 30 tháng tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo **Phùng Văn H** bồi thường cho bà **Nguyễn Thị N** (đại diện bị hại) số tiền 10.000.000 đồng. Buộc các bị cáo **Phạm Thành P**, **Vũ Văn Q**, **Phùng Huy H**,

Nguyễn Thành L và Phùng Văn H có trách nhiệm bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi các cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A và Đào Trọng T1 tính từ thời điểm xảy ra vụ án ngày 03/5/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử lý các vật chứng theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L, Phùng Văn H phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Thị P1.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L, Phùng Văn H đều nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo, bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo; Vũ Văn Q, Phạm Thành P, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L, Phùng Văn H phạm tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Thành P, Phùng Huy H phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” các bị cáo Vũ Văn Q, Nguyễn Thành L phạm tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; sau khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đã tự nguyện đến Cơ quan Công an để đầu thú; nguyên nhân dẫn đến các bị cáo phạm tội cũng do một phần lỗi của bị hại T đã cầm súng bắn các bị cáo trước nên bị cáo Q mới sử dụng súng để bắn trả lại bị hại, nếu khẩu súng T bắn các bị cáo mà đạn nổ, thì hậu quả hôm nay xét xử các bị cáo sẽ là bị hại trong vụ án này; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo mức án thấp nhất.

- *Luật sư Phạm Thị Loan, người bào chữa cho các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Thành P, Phùng Huy H có ý kiến:* Bị cáo Vũ Văn Q có cụ ngoại Ngô Đình R là liệt sĩ, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc, ông nội Vũ Đình N là liệt sĩ đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước; các bị cáo Q, P, Huy H đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo P, Q, Huy H mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt.

- *Luật sư Vương Lý, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L trình bày:* Bị cáo Nguyễn Thành L có bố đẻ là Nguyễn Xuân C tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế và hưởng chế độ, ông nội Nguyễn Văn T1, bà nội Nguyễn Thị B được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất về

tham gia kháng chiến chống Mỹ, tham gia hỏa tuyến; đề nghị xét xử bị cáo L mức án khởi điểm của khung hình phạt.

- *Luật sư Viên Thị Vân, người bào chữa cho bị cáo Phùng Văn H trình bày:* Bị cáo Phùng Văn H sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống cách mạng, ông ngoại là Đinh Văn D và bà Nội Vũ Thị K được tặng Huân chương kháng chiến hạng, nhì, hạng ba về tham gia kháng chiến chống Mỹ; bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề nghị xét xử bị cáo Phùng Văn H mức hình phạt dưới 09 năm tù.

Phản tranh luận: Các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L, Phùng Văn H nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, nhất trí với nội dung bào chữa của các Luật sư, không có ý kiến gì bổ sung thêm. Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với mức thấp nhất, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Bị cáo Lò Thị P1, nhất trí với bản luận tội về tội danh, áp dụng điều luật, mức hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị, không có ý kiến tranh luận. Với tư cách là vợ của bị hại T và mẹ đẻ các con của bị hại T, bị cáo tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt với mức thấp nhất cho các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L, Phùng Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, không nhất trí với đề nghị của Luật sư Phạm Thị Loan về áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; không nhất trí với đề nghị của Luật sư Viên Thị Vân đề nghị xét xử bị cáo Phùng Văn H dưới mức 09 năm tù.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L, Phùng Văn H đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin lỗi gia đình bị hại; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và cộng đồng. Bị cáo Lò Thị P1 đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự thủ tục, không có khiếu nại, tố cáo và điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần quản lý G Taxi có đơn xin xét xử vắng mặt; Trần Duy N vắng mặt không có lý do; người làm chứng Tô Phương N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T, Bùi Công T, Triệu Mùi M, vắng mặt không có lý do. Sau khi có ý kiến của Kiểm sát viên, các Luật sư bào chữa cho các bị cáo và những người

tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, xét thấy: Những người này đã có lời khai trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thảo luận tại chỗ; căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự; phiên tòa tiếp tục được tiến hành theo quy định của pháp luật.

[3] Xác định tư cách tham gia tố tụng của đại diện bị hại: Bị hại Đào Trọng T đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972, vào tháng 10/1991, tại xã T, huyện T, tỉnh T, chưa ly hôn, có 02 con chung với bị hại T là Đào Thị H sinh năm 1992 và Đào Trọng M sinh năm 1998, đã thành niên (Có xác nhận của UBND xã BL 1169, 1176). Ngày 10/11/2010, Đào Trọng T kết hôn với Hoàng Thị M, sinh năm 1987 tại UBND xã V, huyện B, tỉnh H có 01 con chung là Đào Trọng V, sinh ngày 18/9/2007; ngày 13/11/2013, bị hại Đào Trọng T và chị Hoàng Thị M thuận tình ly hôn theo Quyết định số 87/2013/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh H, bị hại T không phải cấp dưỡng nuôi con là cháu Đào Trọng V, (Hiện nay Hoàng Thị M không có mặt tại địa phương BL 1190). Ngày 26/5/2014, Đào Trọng T kết hôn với bị cáo Lò Thị P1 (Lò Thị H), có 03 con chung; hiện nay Lò Thị P1 đang là bị cáo trong vụ án; bà Nguyễn Thị N là người có kết hôn đầu tiên với bị hại T là hôn nhân hợp pháp; gia đình bị hại T có đơn đề nghị cử bà N là người đại diện theo pháp luật cho bị hại T. Căn cứ Điều 84 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 134 Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận bà Nguyễn Thị N tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo pháp luật cho bị hại Đào Trọng T.

[4] Tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L, Phùng Văn H, xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát tỉnh Hà Giang đã công bố tại phiên tòa. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai Vũ Văn Q từ (BL 607-630), Phạm Thành P từ (BL 671 - 717), Phùng Huy H (BL 738 - 777), Phùng Văn H (BL800 - 837), Nguyễn Thành L (BL849 - 893), phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản người phạm tội ra đầu thú, các kết luận giám định; tài liệu khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, bản ảnh thực nghiệm điều tra; biên bản đối chất, nhận dạng và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5] Có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn về việc thống nhất giá cả và thời gian mua dâm giữa Phạm Thành P và Đào Trọng T, Lò Thị P1 (Chủ nhà nghỉ Phương A); khoảng gần 22 giờ ngày 02/5/2020, Phạm Thành P đã gọi điện thoại cho Vũ Văn Q, sau đó P đã cầm theo 01 con dao tông chuôi gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, mũi dao bằng, dài khoảng 40cm và rủ Vũ Văn Q đến nhà nghỉ Phương A để giải quyết mâu thuẫn; sau đó Phùng Văn H, Phùng Huy H và Nguyễn Thành L cũng đi theo P và Q nhằm hỗ trợ P và Q. Khi đi Phùng Văn H cầm theo 03 đoạn ống sắt, gồm: 01 đoạn sắt hình trụ vuông, rỗng dài 104cm, cạnh vuông 3,9cm; 01 đoạn sắt hình trụ vuông, rỗng dài 111,5cm, cạnh vuông 2,9cm; 01 thanh tuýp sắt hình trụ tròn, rỗng, dài 61cm, đường kính 3,1cm; Phùng Huy H lấy ra 01 khẩu súng bắn đạn ghém do P mua trước đó và nhờ Phùng Huy H cất giấu ở nhà, đưa cho L cầm khẩu súng; sau đó Huy H sử dụng xe máy của chị

Nguyễn Thị H chở L, Văn H đến nhà nghỉ Phương A và L đưa cho Q khẩu súng đồng thời hướng dẫn Q sử dụng. Q và P đi đến Cổng nhà nghỉ Phương A, P đã dùng dao đập liên tiếp vào cổng và chửi vọng vào nhà T; khi nghe tiếng gọi và chửi ngoài cổng, bị hại T cầm theo 01 khẩu súng kíp (Thuộc súng săn) dài 136,2 cm, trong súng có đạn (*Súng còn sử dụng để bắn được*) chạy từ trong nhà ở ra ngoài sân, khi đến cách vị trí P đứng 8,4 mét thì dừng lại hô “*Chúng mày có thích chết không, tao bắn chết chúng mày*”, cùng lúc đó, P và Q nghe thấy tiếng kêu “tạch”, Q nghĩ T đã hướng súng về phía Q, P để bắn Q, P nhưng không nghe thấy tiếng súng nổ. Q liền rút khẩu súng từ trong cặp quần ra hướng nòng súng về vị trí bị hại đứng bắn 01 phát làm bị hại trúng đạn, dẫn tới bị hại T tử vong. Sau đó các bị cáo cùng nhau bỏ trốn đến khoảng 17 giờ ngày 03/5/2020 Q, P, Huy H, Văn H và L đến Cục Cảnh sát hình sự, Bộ Công an đầu thú và khai báo hành vi phạm tội của mình.

[6] Kết luận giám định pháp y tử thi số 122/KLPY- PC09 ngày 12/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang đối với tử thi Đào Trọng T (BL 368, 369) Kết luận, nguyên nhân chết của Đào Trọng T: Suy hô hấp do dịch máu bít tắc đường thở, trên người bị chấn thương vùng hàm mặt và ngực do dị vật kim loại. Cơ chế hình thành thương tích trên thân thể Đào Trọng T: Các tổn thương trên thân thể Đào Trọng T do dị vật kim loại xuyên thủng gây nên. Thời gian chết của Đào Trọng T: Tính đến thời điểm khám nghiệm, Đào Trọng T chết khoảng 3 giờ. Kết luận giám định pháp y về ADN số 167/20/TC-AND ngày 15/5/2020 của Viện Pháp y Quốc gia, kết luận: Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên mẫu “*Chất nâu đỏ thu tại vị trí 5 (Thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường)*”: Dương tính; ADN thu từ mẫu “*Chất màu nâu đỏ thu tại vị trí 5*” trùng khớp hoàn toàn với ADN của Đào Trọng T. Kết luận giám định số 2779/C09-P3 ngày 15/6/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Khẩu súng niêm P ký hiệu A3 gửi giám định (*khẩu súng thu giữ trong quá trình truy tìm vật chứng theo lời khai của Vũ Văn Q*) là súng bắn đạn ghém cỡ 12, có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng, **thuộc vũ khí quân dụng**. Trong ổ đạn của súng có 01 vỏ đạn kim loại màu vàng, là vỏ đạn của loại đạn ghém cỡ 12 do khẩu súng này bắn ra. Khi sử dụng súng và đạn này bắn vào cơ thể người gây chết hoặc bị thương.

[7] Về nguồn gốc khẩu súng bị cáo Q sử dụng để bắn bị hại T là vào khoảng tháng 8 hoặc tháng 9/2019, Phạm Thành P sử dụng điện thoại và đặt mua trên mạng xã hội 01 khẩu súng bắn đạn ghém cỡ 12 dài 54,3cm, cao 13cm, dày 4cm, phần báng gỗ dài 17cm, nòng súng dài 35,5cm, phần kim loại dài 12,6cm và 02 viên đạn ghém cỡ 12 với giá 7.000.000 đồng. Ngày 15/4/2020, P đã gửi khẩu súng và 02 viên đạn trong 01 chiếc túi màu đen để nhờ Phùng Huy H mang về cất giấu. Buổi chiều cùng ngày, Huy H, P và Nguyễn Thành L mang khẩu súng lên trên đồi cây thuộc vườn rừng phía sau nhà P để xem và bắn thử; L lắp 01 viên đạn vào súng rồi bắn thử 01 lần lên trên đồi cây, bắn xong L lại nạp 01 viên đạn còn lại vào trong súng rồi cho khẩu súng vào trong chiếc túi đen, Huy H mang về nhà Huy H cất giấu tại gian bếp.

[8] Các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L, Phùng Văn H là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thực

được sức khỏe, tính mạng của con người là vốn quý được pháp luật bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng nếu vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật; nhận thức được việc dùng súng (Là vũ khí quân dụng) bắn hướng vào bị hại có thể dẫn đến chết người. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt giữa P với vợ chồng T - P1 về giá tiền và thời gian mua dâm; nên không làm chủ được bản thân, các bị cáo đã chuẩn bị súng, hung khí tìm đến nơi ở của bị hại T để giải quyết mâu thuẫn, khi gặp bị hại, bị cáo Vũ Văn Q đã dùng súng hướng nòng súng về vị trí bị hại đứng bắn 01 phát làm bị hại trúng đạn, dẫn tới bị hại T tử vong. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ hung hãn, coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác và đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã tước bỏ quyền sống của bị hại T trái pháp luật, xâm phạm đến quyền sống của con người, gây nên mất mát đau thương cho gia đình bị hại khi người vợ bị mất chồng, con mất cha; gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L, Phùng Văn H đã phạm tội "Giết người" quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung " *Có tính chất côn đồ*", có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình. Tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

[9] Ngoài ra các bị cáo Phạm Thành P, Phùng Huy H, Vũ Văn Q, Nguyễn Thành L nhận thức được việc tàng trữ, sử dụng súng (Là vũ khí quân dụng) phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; song các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước; bị cáo P đã mua vũ khí trên mạng xã hội đưa cho Huy H mang về nhà cất giấu, tàng trữ để sử dụng vào mục đích cá nhân, trong đó: Phạm Thành P đã thực hiện hành vi tàng trữ 01 khẩu súng trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến ngày 14/5/2020, Phùng Huy H từ ngày 15/4/2020 đến ngày 02/5/2020; Nguyễn Thành L đã thực hiện hành vi sử dụng khẩu súng do P và Huy H tàng trữ lên trên đồi bắn thử 01 phát vào chiều ngày 15/4/2020, hướng dẫn Q sử dụng súng; Vũ Văn Q đã thực hiện hành vi sử dụng súng để bắn bị hại T. Hành vi của các bị cáo P, Huy H, L, Q là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, vi phạm quy định của Nhà Nước về quản lý vũ khí quân dụng. Hành vi của các bị cáo Phạm Thành P, Phùng Huy H đã phạm tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"; các bị cáo Vũ Văn Q, Nguyễn Thành L phạm tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 07 năm tù. Tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng.

[10] Tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Lò Thị P1 : Trong suốt quá trình điều tra bị cáo P1 luôn có thái độ quanh co, chối tội, xúi giục những người làm chứng không thừa nhận hành vi phạm tội của mình; tại biên bản giao nhận kết luận điều tra ngày 27/4/2021 (BL 1385), bị cáo đã thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Về hành vi chứa mại dâm, bị cáo thừa nhận nhà nghỉ của gia đình bị cáo có hoạt động mại dâm, nhưng người điều hành là do chồng bị cáo là Đào Trọng T, bị cáo không tham gia điều hành. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời của bị cáo phù hợp với

lời khai của những người làm chứng Nguyễn Văn Q (BL 1011- 1018), Tô Phương N (BL 965 - 977), Hoàng Thị X (BL 978- 991), các biên bản đối chất (BL 1271 - 1288), biên bản nhận dạng (BL1251 - 1270), Biên bản khám xét của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ chứng cứ để kết luận: Vào khoảng 22 giờ ngày 02/5/2020, Lò Thị P1 đã nhận số tiền 800.000 đồng của Nguyễn Văn Q là khách mua dâm qua đêm, sau đó P1 đã bố trí phòng cho Q mua dâm, để thực hiện hành vi mua, bán dâm; việc Q chưa thực hiện được mua dâm là ngoài ý muốn của bị cáo.

[11] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Tại phiên tòa, bị cáo P1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản khám xét chỗ ở của Lò Thị P1 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang vào hồi 11 giờ, ngày 21/10/2020 (BL 309 - 326) thu giữ: 01 gói nilon màu trắng dán kín có kích thước 1,6 x 2,4cm, trong túi có chứa 04 viên nén màu đỏ một mặt có khắc lõm chữ “Wy”; 01 viên nén màu trắng dạng hình trụ tròn đường kính 1,2 x 0,4cm; 01 viên nén màu hồng hình trụ tròn đường kính 1,2 x 0,25cm, một số bơm kim tiêm và các vật dụng dùng để sử dụng chất ma túy; Kết luận giám định số 391/KL-PC09 ngày 25/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: 04 viên nén màu đỏ gửi giám định là ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,41g (*Không thấy bốn mươi một gam*), Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận: Do Lò Thị P1 nghiện ma túy, nên trong khoảng thời gian tháng 10/2020, Lò Thị P1 đã có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,41g tại phòng ở của P1.

[12] Bị cáo Lò Thị P1 là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức được việc sử dụng nhà nghỉ của mình để làm địa điểm cho những người mua dâm, bán dâm và dùng nơi ở của mình để tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Song với động cơ, mục đích vì thu lợi bất chính, lười lao động, muốn thu tiền trên thân xác của người khác và thỏa mãn cơn nghiện của mình và phục vụ lợi ích của bản thân, bị cáo bất chấp pháp luật, đã nhận số tiền 800.000 đồng của Nguyễn Văn Q để Q thực hiện hành vi mua dâm tại nhà nghỉ của mình; thực hiện hành vi tàng trữ 0,41g (*Không thấy bốn mươi một gam*), Methamphetamine tại nơi ở của bị cáo. Hành vi của bị cáo Lò Thị P1 là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh lành mạnh và đạo đức xã hội, sức khỏe của con người; ngoài ra hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Lò Thị P1 còn xâm phạm quy định của Nhà Nước về chế độ quản lý các chất ma túy. Hành vi của bị cáo Lò Thị P1 đã phạm các tội “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm và phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, với tình tiết "*Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*" có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng.

[13] Vai trò của các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội Giết người: Bị cáo Vũ Văn Q là người trực tiếp thực hiện tội phạm (Dùng súng bắn bị hại T là nguyên nhân dẫn tới bị hại T tử vong); cần phải xử phạt bị cáo Q mức hình phạt nghiêm khắc nhất so với các bị cáo khác. Bị cáo Phạm Thành P là người rủ rê bị cáo Q đi giải quyết mâu thuẫn giữa P với vợ chồng T, dùng dao đập cổng, chửi bị hại; do đó bị cáo P được xác định với vai trò thứ hai trong vụ án và chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo Phùng Huy H và Nguyễn Thành L tuy không trực tiếp thực hiện hành vi giết người, nhưng là người giúp sức về vật chất, tinh thần cho bị cáo Vũ Văn Q; Huy H đưa súng cho L; L cầm súng đến nhà nghỉ của bị hại T và đưa súng cho Q, hướng dẫn Q sử dụng súng; Huy H, L được xác định với vai trò thứ ba trong vụ án; bị cáo Phùng Văn H không trực tiếp thực hiện hành vi Giết người, không biết việc Huy H, L cầm súng đi và đưa cho Q để giải quyết mâu thuẫn, nhưng đã có hành vi cầm ống tuýp sắt đi cùng với Huy H, L đến hiện trường để hỗ trợ cho P và Q, với vai trò giúp sức về mặt tinh thần để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Phùng Văn H chịu trách nhiệm hình sự mức thấp hơn các bị cáo khác.

[14] Vai trò của các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng: Bị cáo Vũ Văn Q là người trực tiếp sử dụng khẩu súng (là vũ khí quân dụng) để bắn bị hại T dẫn đến bị hại tử vong, bị cáo Q phải chịu mức hình phạt cao nhất. Phạm Thành P là người trực tiếp mua 01 khẩu súng trên mạng sau đó nhờ bị cáo Phùng Huy H cất giấu tại nhà. bị cáo Nguyễn Thành L sử dụng khẩu súng bắn thử 01 lần, hướng dẫn bị cáo Q sử dụng súng; do vậy xử phạt các bị cáo P, Huy H, L mức án khởi điểm của khung hình phạt cũng đảm bảo răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[15] Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã kiểm tra tài khoản Facebook, Zalo của Phạm Thành P, nhưng do các thông tin liên quan đến việc mua bán súng đạn trên tài khoản Facebook, Zalo của Phạm Thành P đã bị xóa, không khôi phục được nên không xác minh được nick mạng xã hội đã giao dịch bán súng, đạn cho Phạm Thành P, không có tài liệu xác định người đã bán khẩu súng cho P, do vậy không có căn cứ để xử lý về hành vi "Mua bán trái phép vũ khí quân dụng" đối với bị cáo P và người đã bán súng cho P là có căn cứ.

[16] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[17] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L và Phùng Văn H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tuổi đời còn trẻ; trong giai đoạn điều tra các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L và Phùng Văn H đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền 80.000.000 đồng; đại diện bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú; tại phiên tòa bị cáo P1 đề nghị xét xử các bị cáo mức án thấp nhất. Ngoài ra bị cáo Vũ Văn Q có Cụ ngoại Ngô Đình R là liệt sĩ, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc, ông nội Vũ Đình N Vũ Đình N là liệt sĩ đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước; bị cáo Phùng Văn H có ông ngoại là Đình Văn D và bà Nội

Vũ Thị K được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, hạng ba về tham gia kháng chiến chống Mỹ; bị cáo Nguyễn Thành L có bố đẻ là Nguyễn Xuân C tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm Nệm vụ quốc tế và hưởng chế độ, ông nội Nguyễn Văn T1, bà nội Nguyễn Thị B được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất về tham gia kháng chiến chống Mỹ, tham gia hỏa tuyến; cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo P, Q, Huy H, L và Văn H để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[18] Tại phiên tòa, bị cáo Lò Thị P1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; là người dân tộc thiểu số; cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo P1.

[19] Về nhân thân: Bị cáo Phùng Huy H, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hưng Yên xử phạt 04 năm tù về tội Lưu hành tiền giả tại Bản án số 08/2007/HS-ST, ngày 28/9/2007 (đã được xóa án tích). Bị cáo Lò Thị P1 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 11 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 30 năm tù theo Bản án số 31/2021/HS-ST, ngày 25/8/2021.

[20] Về hình phạt: Đối với hành vi phạm tội Giết người và Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng bị cáo mà do các bị cáo tự phát cùng nhau thực hiện tội phạm. Do đó các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của các bị cáo đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật quy định; xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó; đồng thời áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự về đồng phạm và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo.

[21] Tội phạm các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L và Phùng Văn H thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L, Lò Thị P1 , phạm 02 tội; cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự về tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân lương thiện và có ích cho xã hội, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung, đồng thời áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự về Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đối với các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L, Lò Thị P1 .

[22] Xét thấy, bị cáo Lò Thị P1 phạm tội "Chứa mại dâm", nhưng thuộc trường hợp chưa đạt, cần áp dụng khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo P1 mức hình phạt không quá 3/4 mức phạt tù mà điều luật quy định đối với tội "Chứa mại dâm".

[23] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 123 Bộ luật Hình sự quy định " Người phạm tội còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"; khoản 5 Điều 304 Bộ luật Hình sự quy định "

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.....". Xét thấy, các bị cáo phạm tội "Giết người" không liên quan đến nghề nghiệp và công việc của các bị cáo đang làm; phạm tội "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" đều không có mục đích tư lợi mà do tự phát; do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo P, Q, Huy H, L, Văn H theo quy định tại khoản 4 Điều 123 và khoản 5 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

[24] Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.... tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản..."; khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng..... tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản....". Xét thấy, bị cáo Lò Thị P1 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy với động cơ mục đích là để sử dụng, không chứng minh được có thu lời bất chính, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 30 năm tù về các tội Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy; về hành vi phạm tội " Chứa mại dâm", bị cáo phạm tội chưa đạt; do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo P1 theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự .

[25] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố gia đình các bị cáo Q, P, Huy H, L và Văn H đã tự nguyện hỗ trợ chi phí mai táng cho bà Nguyễn Thị N (đại diện bị hại) số tiền là 30.000.000 đồng, bà N tiếp tục đề nghị các bị cáo phải bồi thường thêm tiền chi phí làm tang lễ cho bị hại Đào Trọng T số tiền 60.000.000 đồng và cấp dưỡng nuôi các con của bị hại T cháu Đào Thị Phương A, sinh ngày 25/4/2009, Đào Thị Kim A sinh ngày 09/12/2005 và Đào Trọng T1 sinh ngày 17/02/2019 tính từ thời điểm xảy ra vụ án cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; ngoài ra đại diện bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác với lý do ông T chồng bà N có một phần lỗi trong vụ việc (BL 1168). Ngày 25/3/2021, gia đình các bị cáo Q, P, Huy H và L tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bà N với số tiền là 50.000.000đ; ngày 22/4/2021 gia đình bị cáo Phùng Văn H đã bồi thường cho Lò Văn K (Em ruột của bị cáo P1) để hỗ trợ nuôi dưỡng các cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A và Đào Trọng T1 với số tiền 5.000.000 đồng, xét thấy:

[26] Tổng số tiền đại diện bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường là 90.000.000 đồng; tại phiên tòa các bị cáo đều nhất trí bồi thường số tiền theo yêu cầu của đại diện bị hại là 90.000.000 đồng; gia đình các bị cáo đã bồi thường cho đại diện bị hại số tiền 80.000.000 đồng, còn thiếu 10.000.000 đồng; bị cáo Phùng Văn H tự nguyện chấp nhận bồi thường số tiền còn thiếu cho đại diện bị hại là 10.000.000 đồng, sự tự nguyện của bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phùng Văn H.

[27] Đối với yêu cầu của bà N buộc các bị cáo phải bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi 03 con của bị hại T cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A và Đào Trọng T1 tính từ thời điểm xảy ra vụ án cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A và Đào Trọng T1 còn nhỏ, chưa tự lao động kiếm tiền lo được cho bản thân, cần phải có một khoản tiền để chi phí cho việc trang trải cuộc sống và học tập của các cháu. Tại phiên tòa các bị cáo Q,

P, Huy H, L và Văn H đều nhất trí bồi thường cấp dưỡng cho các cháu theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự; buộc các bị cáo có trách nhiệm cấp dưỡng cho 03 cháu mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng; mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A và Đào Trọng T1 mỗi cháu số tiền là 300.000đ/tháng kể từ ngày 03/5/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Riêng đối với bị cáo Phùng Văn H đã bồi thường trước cho anh Lò Văn K (em ruột của bị cáo P1) để hỗ trợ nuôi dưỡng các cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A và Đào Trọng T1 với số tiền 5.000.000 đồng, cần khấu trừ số tiền 5.000.000đ vào số tiền phải cấp dưỡng cho bị cáo Phùng Văn H hàng tháng.

[28] Hiện nay đại diện bị hại bà Nguyễn Thị N cư trú và sinh sống tại tỉnh Thái Bình, không có điều kiện đi lại để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A và Đào Trọng T1; anh Lò Văn K là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, tại phiên tòa mẹ đẻ của các cháu là Lò Thị P1 đề nghị chuyển số tiền cấp dưỡng nuôi 03 cháu cho anh K là người nhận, đồng thời tại phiên tòa anh K đồng ý nhận số tiền cấp dưỡng để nuôi và chăm sóc các cháu. Để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con của bị hại T được kịp thời, cần giao số tiền cấp dưỡng của các bị cáo đối với 03 cháu cho anh Lò Văn K. Trong trường hợp có tranh chấp về việc quản lý, chi tiêu khoản tiền cấp dưỡng nuôi các cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A và Đào Trọng T1 thì đại diện bị hại, các con của bị hại T có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết về thay đổi người nhận tiền cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[29] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã thu giữ một số vật chứng, tài sản của các bị cáo và gia đình bị hại T và bị cáo P1; Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau:

[30] Tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng có liên quan đến vụ án và các tài sản không còn giá trị sử dụng và không được sử dụng gồm: 01 đoạn gậy bằng kim loại; 01 túi màu đen, bên trong túi có một đoạn gậy bằng kim loại màu đen; 02 thanh kim loại màu xám hình trụ vuông, rỗng; 01 thanh kim loại màu xám hình trụ tròn, rỗng; 01 chiếc dép nhựa xộp màu đen-trắng (chân trái); 01 dị vật bằng nhựa màu trắng đục không rõ hình, xoắn gấp lại; 05 mảnh kim loại màu xám không rõ hình, kích thước nhỏ nhất là 0,4 x 0,3cm, kích thước lớn nhất là 0,9 x 0,7cm; 75 bao cao su còn nguyên nhãn hiệu Condom Hualei; 01 P bì đã niêm P, mặt trước ghi mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu M1, M2, M3; 01 P bì đã niêm P, mặt trước ghi mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1, A2, A3; 06 bơm kim tiêm màu trắng và 03 mũi kim tiêm đã qua sử dụng; 01 dụng cụ bằng thủy tinh màu trắng; 02 dụng cụ bằng thủy tinh màu trắng, đã bị vỡ bầu dục ở một đầu và 01 mảnh thủy tinh bị vỡ; 01 ống thủy tinh hình trụ rỗng có dạng cong, một đầu bị vỡ có dạng hình cầu; 06 ống nhựa màu trắng và màu tím hình trụ rỗng; 01 bình thủy tinh có nắp nhựa màu xanh dài 9,5cm; 01 tờ giấy bạc dạng gấp; 01 P bì đã được niêm P, mặt trước có ghi dòng chữ: 01 USB nhãn hiệu SanDisk màu đen; 01 P bì đã niêm P, mặt trước ghi “vỏ bao gói và 02 P bì niêm P cũ”; 01 chiếc áo màu đen đã qua sử dụng; 07 mảnh kim loại màu xám không rõ

hình, kích thước; 01 miếng chất dẻo màu vàng hình trụ tròn, một mặt được dán giấy dày 0,8cm, đường kính 1,9cm; 02 khẩu súng thu giữ tại gia đình bị hại T; 01 (một) vỏ đạn màu vàng đồng.

[31] Đối với tài sản: 01 đầu ghi camera nhãn hiệu AJHUA, moden: DHI-HCVR4108C-S3, đầu ghi đã cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của đầu ghi thu giữ tại nhà nghỉ của bị hại T và bị cáo Lò Thị P1 ; 04 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo P, P1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh N không liên quan đến hành vi phạm tội, cần tuyên trả lại cho các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh N. Tại phiên tòa, bị cáo P đề nghị giao 02 chiếc điện thoại và sim trong điện thoại cho bố để bị cáo là ông Phạm Trung T nhận, bị cáo P1 đề nghị giao 01 đầu ghi camera và 01 chiếc điện thoại cho anh Lò Văn K nhận; đồng thời anh K và ông T đồng ý nhận các tài sản trên cho bị cáo P và P1, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của các bị cáo P và P1.

[32] Đối với tài sản gồm: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Mirage, biển kiểm soát: 30A-083.17, loại xe 5 chỗ ngồi, màu sơn bạc, xe đã qua sử dụng, số khung:MMBXNA03AEH013917, số máy: 3A92UBG30002, xe bị xước phần Ba đờ xóc bên phụ trước; xước mốp, vỡ Ba đờ xóc sau bên phụ, vỏ xe có một số các vết xước, vỡ ở phần đuôi xe, mặt sau gương, thân xe, nội thất bên trong đã cũ, xe đã cũ, không khởi động được, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động của xe (kèm theo: 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 173223 cấp ngày 04/01/2014, biển kiểm soát 30A-083.17; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 1663507 cấp ngày 03/3/2000; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 0170959); sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Huy H đã sử dụng để đưa các bị cáo về Hà Nội trốn và ra đầu thú; chiếc xe thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần quản lý G Taxi, đại diện hợp pháp của Công ty có đơn xin lại chiếc xe ô tô; cần tuyên trả lại chiếc xe cho Công ty Cổ phần quản lý G Taxi.

[33]01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 23D1 – 274.34, xe có một gương chiếu hậu bên trái, số khung RLHJA3906HY034155, số máy JA39E – 00344214, xe đã cũ, đã qua sử dụng, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động của xe; 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy có số 013157, mang tên chủ xe Trương Thị G, biển số đăng ký 23D1 – 274.34; bị cáo Huy H sử dụng để đưa Văn H và L đến nhà nghỉ của T, P1 hỗ trợ cho P và Q thực hiện hành vi phạm tội; tuy nhiên chiếc xe máy này là do chị Nguyễn Thị H vợ của bị cáo Phùng Huy H mới mua của chị G, hiện nay chị H chưa trả hết tiền cho chị G, do đó chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ cho chị H được; Huy H lấy xe đi chị H không biết; cần tuyên trả lại cho chị H chiếc xe máy.

[34] 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn đen trắng, biển kiểm soát 23D1 – 143.96, số khung: RLCS5C6K0DY125780; số máy: 5C6K – 125786, xe lắp 01 gương chiếu hậu bên trái, xe đã cũ đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy có số 014827, mang tên chủ xe là Vũ Văn Q, biển số đăng ký 23D1-143.96; bị cáo Vũ Văn Q sử dụng để chở P và Q đến nhà nghỉ T, P1 đề thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[35] Vật chứng: 01 khẩu súng dài 54,3cm bị cáo Vũ Văn Q sử dụng bắn bị hại T, là công cụ thực hiện hành vi phạm tội; 04 viên đạn 7,62 K56 thu giữ tại gia đình bị hại T và bị cáo P1 là vật thuộc quyền quản lý của Nhà nước; cần áp dụng điểm d khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2013/NĐ-CP ngày 02/7/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18/02/2002. Giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang xử lý theo thẩm quyền.

[36] Về án phí: Các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L, Phùng Văn H, Lò Thị P1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[37] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về tội danh, áp dụng điều luật, hình phạt, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí đối với các bị cáo, đại diện bị hại. Chấp nhận ý kiến bào chữa của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo về tội danh, áp dụng điều luật.

[38] Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Thị P1, lý do bị cáo P1 không thuộc diện được miễn án phí và không có đơn xin miễn tiền án phí; không chấp nhận ý kiến đề nghị của Luật sư bào chữa cho các bị cáo P, Q, Huy H đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo Q mức khởi điểm của khung Hình phạt; không chấp nhận ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phùng Văn H đề nghị xét xử bị cáo Văn H dưới mức 9 năm tù.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L và Phùng Văn H phạm tội “Giết người”;

Các bị cáo Phạm Thành P và Phùng Huy H phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”;

Các bị cáo Vũ Văn Q và Nguyễn Thành L phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”;

Bị cáo Lò Thị P1 (Lò Thị H) phạm các tội “Chứa mại dâm” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L:

+ Xử phạt bị cáo **Vũ Văn Q** 15 năm tù về tội “Giết người” và 01 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; tổng hợp hình phạt buộc bị

cáo Vũ Văn Q phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 16 (Mười sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo **Phạm Thành P** 12 năm 06 tháng tù về tội “Giết người” và 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Thành P phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 13 (Mười ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo **Phùng Huy H** 12 năm tù về tội “Giết người” và 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phùng Huy H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 13 (Mười ba) năm tù.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành L** 12 năm tù về tội “Giết người” và 01 năm tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 13 (Mười ba) năm tù.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phùng Văn H; xử phạt bị cáo **Phùng Văn H** 09 (Chín) năm tù về tội “Giết người”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L và Phùng Văn H tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 04/5/2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Thị P1; xử phạt bị cáo Lò Thị P1 06 tháng tù về tội “Chứa mại dâm” và 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lò Thị P1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 591 Bộ luật Dân sự:

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phùng Văn H bồi thường thêm số tiền chi phí mai táng là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) cho bà **Nguyễn Thị N** (Đại diện hợp pháp của bị hại T); địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình .

- Buộc các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L và Phùng Văn H có trách nhiệm bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi các cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A, Đào Trọng T1 mỗi cháu là 1.500.000 đồng kể từ ngày 03/5/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, cụ thể như sau:

+ Bị cáo Phạm Thành P bồi thường tiền cấp dưỡng cho các cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A, Đào Trọng T1 mỗi cháu là 300.000đ/tháng (*Ba trăm nghìn đồng*);

+ Bị cáo Vũ Văn Q bồi thường tiền cấp dưỡng cho cho các cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A, Đào Trọng T1 mỗi cháu là 300.000đ/tháng (*Ba trăm nghìn đồng*);

+ Bị cáo Phùng Huy H bồi thường tiền cấp dưỡng cho cho các cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A, Đào Trọng T1 mỗi cháu là 300.000đ/tháng (*Ba trăm nghìn đồng*);

+ Bị cáo Nguyễn Thành L bồi thường tiền cấp dưỡng cho cho các cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A, Đào Trọng T1 mỗi cháu là 300.000đ/tháng (*Ba trăm nghìn đồng*);

+ Bị cáo Phùng Văn H bồi thường tiền cấp dưỡng cho cho các cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A, Đào Trọng T1 mỗi cháu là 300.000đ/tháng (*Ba trăm nghìn đồng*); khấu trừ số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) vào số tiền phải cấp dưỡng cho bị cáo Phùng Văn H hàng tháng.

Toàn bộ số tiền cấp dưỡng giao cho anh **Lò Văn K** (Em ruột của bị cáo Lò Thị P1), địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang nhận và có trách nhiệm quản lý, chi tiêu, nuôi cho các cháu Đào Thị Phương A, Đào Thị Kim A và Đào Trọng T1.

Trong trường hợp có xảy ra tranh chấp về việc quản lý, chi tiêu khoản tiền cấp dưỡng giữa đại diện bị hại, các con của bị hại T với anh Lò Văn K thì các bên có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2013/NĐ-CP ngày 02/7/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý kho vật chứng ban hành kèm theo Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18/02/2002 của Chính phủ;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) đoạn gậy bằng kim loại, màu sơn đen dạng trụ tròn, kích thước dài 63,5cm, chu vi chỗ lớn nhất 15,5cm;

- 01 (một) túi màu đen, bên trong túi có một đoạn gậy bằng kim loại màu đen, dạng trụ tròn, kích thước dài 63,5cm, chu vi chỗ lớn nhất 15,5cm;

- 01 (một) thanh kim loại màu xám hình trụ vuông, rỗng, kích thước dài 111,5cm, cạnh vuông 2,9cm; 01 (một) thanh kim loại màu xám hình trụ vuông, rỗng, kích thước dài 104cm, cạnh vuông 3,9cm;

- 01 (một) thanh kim loại màu xám hình trụ tròn, rỗng, kích thước dài 61cm, đường kính 3,1cm;
- 01 (một) chiếc dép nhựa xốp màu đen-trắng (chân trái);
- 01 (một) dị vật bằng nhựa màu trắng đục không rõ hình, xoắn gấp lại, kích thước là 3 x 2 x 2cm;
- 05 mảnh kim loại màu xám không rõ hình, kích thước nhỏ nhất là 0,4 x 0,3cm, kích thước lớn nhất là 0,9 x 0,7cm;
- 75 (bảy mươi lăm) bao cao su còn nguyên nhãn hiệu Condom Hualei;
- 01 (một) P bì đã niêm P, mặt trước ghi mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu M1, M2, M3, có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia niêm P và dấu tròn niêm P của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang;
- 01 (một) P bì đã niêm P, mặt trước ghi mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1, A2, A3, có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia niêm P và dấu tròn niêm P của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang;
- 06 (sáu) bơm kim tiêm màu trắng và 03 (ba) mũi kim tiêm đã qua sử dụng;
- 01 (một) dụng cụ bằng thủy tinh màu trắng, một đầu hình cầu có lỗ đường kính 02cm, thân ống thủy tinh dài 07cm;
- 02 (hai) dụng cụ bằng thủy tinh màu trắng, đã bị vỡ bầu dục ở một đầu và 01 mảnh thủy tinh bị vỡ;
- 01 (một) ống thủy tinh hình trụ rỗng có dạng cong, có đường kính 0,5 x 4cm, một đầu bằng, một đầu bị vỡ có dạng hình cầu;
- 06 (sáu) ống nhựa màu trắng và màu tím hình trụ rỗng, một đầu bằng, một đầu vót nhọn, đường kính từ 0,4 đến 0,6cm, dài từ 3,5 đến 10cm;
- 01 (một) bình thủy tinh có nắp nhựa màu xanh dài 9,5cm, đường kính đáy 05cm, đường kính miệng 2,8cm, tại nắp miệng có 02 lỗ: lỗ thứ nhất để trống, lỗ thứ hai có miệng lỗ nhựa màu hồng đường kính 06mm nối với 01 thân ống màu vàng đi vào trong bình thủy tinh;
- 01 (một) tờ giấy bạc dạng gấp kích thước 21 x 11cm; 01 (một) P bì đã được niêm P, mặt trước có ghi dòng chữ: 01 (một) USB nhãn hiệu SanDisk màu đen, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm P và dấu tròn niêm P của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an;
- 01 (một) P bì đã niêm P, mặt trước ghi “vỏ bao gói và 02 P bì niêm P cũ”, có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia niêm P và dấu tròn niêm P của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang; 01 (một) chiếc áo màu đen đã qua sử dụng;
- 07 mảnh kim loại màu xám không rõ hình, kích thước nhỏ nhất là (0,6 x 0,4)cm, kích thước lớn nhất là (0,8 x 0,9)cm;
- 01 miếng chất dẻo màu vàng hình trụ tròn, một mặt được dán giấy dày 0,8cm, đường kính 1,9cm;

- 02 (Hai) khẩu súng thu giữ tại gia đình bị hại T;
- 01 (một) vỏ đạn màu vàng đồng.

Trả lại cho những người tham gia tố tụng những đồ vật, tài sản sau:

- Trả lại cho anh **Lò Văn K** (Em ruột của bị cáo P1), địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện H, tỉnh H: 01 (một) đầu ghi camera nhãn hiệu AJHUA, moden: DHI-HCVR4108C-S3, đầu ghi đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của đầu ghi; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màu xám, vỡ màn hình, số IMEI 1: 355113090384019/01, IMEI 2: 355114090384017/01, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được số IMEI và tình trạng hoạt động bên trong của máy.

- Trả lại cho **Công ty Cổ phần Ba Sao** (Hãngtaxi G7); địa chỉ: 98/72 đường Nguyễn trãi, phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Mirage, biển kiểm soát 30A-083.17, loại xe 5 chỗ ngồi, màu sơn bạc, xe đã qua sử dụng, số khung MMBXNA03AEH013917, số máy 3A92UBG30002, xe bị xước phần Ba đờ xước bên phụ trước; xước mốp, vỡ Ba đờ xước sau bên phụ, vỏ xe có một số các vết xước, vỡ ở phần đuôi xe, mặt sau gương, thân xe, nội thất bên trong đã cũ, xe đã cũ, không khởi động được, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động của xe (kèm theo: 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 173223 cấp ngày 04/01/2014, biển kiểm soát 30A-083.17; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 1663507 cấp ngày 03/3/2000; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 0170959).

- Trả lại cho chị **Nguyễn Thị H**, trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh H: 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 23D1 – 274.34, xe có một gương chiếu hậu bên trái, số khung RLHJA3906HY034155, số máy JA39E – 00344214, xe đã cũ, đã qua sử dụng, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động của xe; 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy có số 013157, mang tên chủ xe Trương Thị G, biển số đăng ký 23D1 – 274.34.

- Trả lại cho anh **Trần Duy N**; trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh H: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng đồng, bị xước màn hình, có số IMEI 357287097294898, lắp sim số **0843333456**, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được số IMEI và tình trạng hoạt động bên trong của máy.

- Trả lại cho ông **Phạm Trung T** (bố đẻ của bị cáo P), trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh H: 02 (hai) điện thoại di động, trong đó: 01 (một) điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone XS Max, màu đen, bị xước màn hình, có số IMEI 357286099093456, lắp sim số **0814938888**, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được số IMEI và tình trạng hoạt động bên trong của máy; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 11 P10 Max, màu xanh, bị xước màn hình, có số IMEI 353912106534091, IMEI2 353912106338154, lắp sim số **0373397651**, điện

thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được số IMEI và tình trạng hoạt động bên trong của máy.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn đen trắng, biển kiểm soát 23D1 – 143.96, số khung RLCS5C6K0DY125780; số máy: 5C6K – 125786, xe lắp 01 gương chiếu hậu bên trái, xe đã cũ đã qua sử dụng, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động của xe; 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy có số 014827, mang tên chủ xe **Vũ Văn Q**, biển số đăng ký 23D1-143.96.

(Tình trạng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

- Giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang xử lý theo thẩm quyền: 01 khẩu súng dài 54,3cm và 04 viên đạn 7,62 K56 theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/01/2021 giữa Phòng PC02 Công an tỉnh Hà Giang với Phòng Kỹ thuật Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L, Phùng Văn H và Lò Thị P1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm;

Các bị cáo Phạm Thành P, Vũ Văn Q, Phùng Huy H, Nguyễn Thành L và Phùng Văn H mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng;

Bị cáo Phùng Văn H phải chịu 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- PC 01, PC 02, PV 06 Công an tỉnh;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Tổ HCTP - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thanh Loan

